



Kinh tế biển Việt Nam - Cơ hội và thách thức trong kỷ nguyên mới

TS. NGUYỄN ĐỨC TOÀN

Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam

Việt Nam, với đường bờ biển dài hơn 3.260 km có vùng đặc quyền kinh tế gấp 3 lần diện tích đất liền và hơn 3.000 đảo lớn nhỏ, có tiềm năng to lớn cho phát triển kinh tế cùng với tài nguyên phong phú, vị trí chiến lược trong vận chuyển hàng hải khu vực và quốc tế. Trong bối cảnh đất nước đang bước vào kỷ nguyên vươn mình mạnh mẽ, với mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số, kinh tế biển được xác định là một trong những trụ cột quan trọng để hiện thực hóa tham vọng này. Đặc biệt, việc sáp nhập các tỉnh, giảm từ 63 tỉnh, thành phố xuống còn 34 tỉnh, thành phố, trong đó có 21/34 tỉnh, thành phố có biển. Cùng với các cải cách hành chính, phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, đang mở ra những cơ hội và thách thức mới cho phát triển kinh tế biển bền vững.

1. CƠ HỘI TỪ SÁP NHẬP TỈNH VÀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1.1. Khung pháp lý về khai thác, sử dụng biển ngày càng hoàn thiện

Ngày 28/6/2024, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 139/2024/QH15 về Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Ngày 7/10/2024, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1117/QĐ-TTg Quy hoạch tổng thể khai thác bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Các kế hoạch thực hiện Quy hoạch trên đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Quy hoạch đã phân vùng được các khu vực khuyến khích cho hoạt động phát triển kinh tế, khu vực cấm khai thác, hạn chế khai thác, khu vực cần bảo vệ đặc biệt cho các mục đích quốc phòng an ninh và bảo tồn. Đồng thời, Quy hoạch cũng đã định hướng để ưu tiên phát triển các ngành kinh tế biển, xác định 5 nhiệm vụ trọng tâm và 4 khâu đột phá để thực hiện các mục tiêu của Quy hoạch. Đây là khung pháp lý hết sức quan trọng để các ngành, địa phương có biển định hướng và triển khai các hoạt động kinh tế biển.

Bên cạnh đó, Nghị định số 65/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP đã giải quyết căn bản những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý sử dụng khu vực biển, đặc biệt là các quy định liên quan tới trình tự, thủ tục để giao khu vực biển để phát triển điện gió ngoài khơi. Mặt khác, Nghị định số 58/2025/NĐ-CP ngày 3/3/2025 quy định chi tiết một số

điều của Luật Điện lực về phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới, trong đó đã quy định các tiêu chí cụ thể để lựa chọn nhà thầu có năng lực tham gia phát triển điện gió ngoài khơi. Những quy định pháp lý và các quy hoạch, kế hoạch được ban hành đã cung cấp khung pháp lý vững chắc cho quản lý tài nguyên biển bền vững tạo hành lang pháp lý đầy đủ để thúc đẩy phát triển các ngành kinh tế biển.

1.2. Tăng cường không gian và hiệu quả quản lý

Việc sáp nhập các tỉnh, thành phố trong đó một trong những tiêu chí quan trọng là tăng tối đa các địa phương có biển là bước đi chiến lược nhằm tối ưu hóa việc khai thác, sử dụng và phát huy tiềm năng từ biển. Sau sáp nhập, các tỉnh mới sẽ có quy mô lớn hơn, nguồn lực tập trung hơn, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các dự án kinh tế biển quy mô lớn như cảng nước sâu, khu công nghiệp ven biển và các trang trại điện gió ngoài khơi, kết nối liên thông giữa đất liền với biển. Các tỉnh vốn không có biển như: Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nam, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Cần Thơ, Bình Dương... có cơ hội tiếp cận với biển, qua đó thúc đẩy sản xuất, giảm thiểu chi phí logistics (Bảng 1).

Theo Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, kinh tế biển được kỳ vọng đóng góp khoảng 10% GDP cả nước vào năm 2030 và việc tinh gọn bộ máy hành chính sẽ giúp giảm thiểu chồng chéo, tăng hiệu quả phối hợp liên vùng giúp đẩy nhanh hoàn thành mục tiêu nêu trên. Việc sáp nhập cũng giúp giảm bớt các rào cản hành chính giữa các địa phương, tạo điều kiện cho các chuỗi giá trị kinh tế biển liên kết chặt chẽ hơn, từ đất liền ra đến các đảo xa bờ.

1.3. Cải cách hành chính và phân cấp, phân quyền

Cùng với sáp nhập tỉnh, Việt Nam đang đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm ít nhất 50% thủ tục hành chính. Việc phân cấp, phân quyền cho các địa phương ven biển giúp chính quyền địa phương nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương các cấp. Cụ thể:

Tăng cường sự chủ động và linh hoạt của các địa phương ven biển: (1) Quyết định nhanh chóng và phù hợp với đặc thù địa phương: Chính sách phân cấp, phân quyền



Bảng 1. Tổng hợp một số lợi ích chính của việc mở rộng không gian biển sau sáp nhập tỉnh

Lợi ích	Chi tiết	Ví dụ cụ thể
Tăng cường logistics	21 tỉnh ven biển, tỷ lệ tăng từ 44% lên 62%, cải thiện mạng lưới cảng biển.	Tạo ra các hệ thống các trục đường kết nối liên thông từ vùng núi xuống các cảng biển để đẩy nhanh khả năng vận chuyển hàng hóa và giảm thiểu chi phí logistics.
Hình thành cụm cảng lớn	Tạo siêu thành phố với hệ thống cảng mạnh, tăng khả năng xử lý hàng hóa.	TP. Hồ Chí Minh vượt Hải Phòng, Cần Thơ ra biển.
Kết nối kinh tế nội địa và ven biển	Liên kết vùng núi với biển, mở rộng thị trường và nguồn cung.	Đắk Lắk với Phú Yên, Lâm Đồng với Bình Thuận.
Tập trung đầu tư vào kinh tế biển	Ưu tiên thủy sản, năng lượng tái tạo, du lịch biển, tăng trưởng bền vững.	Quảng Ninh - Hải Phòng - Ninh Bình với khu vực lõi khởi đầu phát triển là Hải Phòng - Quảng Ninh mà tâm điểm là cảng quốc tế Lạch Huyện, phát triển Quảng Ninh là trung tâm du lịch quốc gia kết nối quốc tế. TP. Hồ Chí Minh xây dựng thành trung tâm kinh tế biển mạnh hàng đầu Đông Nam Á. Lĩnh vực ưu tiên là cảng trung chuyển quốc tế, đóng tàu biển, vận tải viễn dương; kiểm định sản phẩm dịch vụ đào tạo phục vụ kinh tế biển; dịch vụ thương mại, tài chính quốc tế.
Tăng hiệu quả quản lý không gian biển	Giảm rào cản hành chính, quản lý thống nhất tài nguyên biển.	Phát triển khu kinh tế Vân Đồn, Đình Vũ. Trung tâm tài chính quốc tế tại Đà Nẵng và TP. Hồ Chí Minh.

cho phép các tỉnh ven biển (đặc biệt sau khi sáp nhập còn 21/34 tỉnh có biển) tự chủ trong việc lập kế hoạch, phê duyệt dự án và phân bổ nguồn lực. Chẳng hạn, các tỉnh như Quảng Ninh, Hải Phòng, hay Bình Thuận có thể nhanh chóng đưa ra các chính sách thu hút đầu tư vào cảng biển, điện gió ngoài khơi, hoặc du lịch sinh thái mà không cần chờ phê duyệt từ Trung ương, giảm thiểu thời gian và chi phí hành chính; (2) Tận dụng lợi thế địa phương: Mỗi tỉnh ven biển có đặc điểm tự nhiên và kinh tế riêng (như tiềm năng gió biển ở Bình Thuận, ngư trường phong phú ở Kiên Giang, hay vị trí logistics chiến lược ở Hải Phòng). Phân quyền giúp địa phương linh hoạt xây dựng các chiến lược phát triển kinh tế biển phù hợp, như phát triển cảng nước sâu ở Cái Mép - Thị Vải hoặc các khu du lịch cao cấp ở Phú Quốc.

Thu hút đầu tư và phát triển các ngành kinh tế biển mũi nhọn: (1) Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi: Phân cấp, phân quyền đi đôi với cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm ít nhất 50% thời gian xử lý các thủ tục liên quan đến đầu tư, đất đai và môi trường. Điều này tạo điều kiện cho nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia vào các ngành kinh tế biển như năng lượng tái tạo, logistics, du lịch; (2) Khuyến khích đổi mới sáng tạo: Các địa phương được trao quyền tự chủ có thể thí điểm các mô hình kinh tế biển mới, như các khu kinh tế ven biển tích hợp năng lượng xanh, nuôi trồng thủy sản tuần hoàn, hoặc du lịch thông minh. Các tỉnh như Khánh Hòa đã triển khai các mô hình thí điểm nuôi biển công nghệ cao, góp phần tăng năng suất và giá trị xuất khẩu.

Tăng cường hiệu quả quản lý tài nguyên biển và BVMT: (1) Quản lý tài nguyên biển linh hoạt: Phân quyền cho phép các địa phương trực tiếp giám sát và quản lý tài nguyên biển, như ngư trường, khu bảo tồn và vùng khai thác năng lượng. Một số tỉnh như Quảng Ngãi và Phú Yên đã áp dụng mô hình đồng quản lý nghề cá, trong đó cộng đồng ngư dân tham gia bảo vệ nguồn lợi thủy sản, giúp giảm khai thác quá mức và bảo tồn hệ sinh thái; (2) Thực hiện cam kết Net Zero: Các địa phương ven biển được trao quyền xây dựng các kế hoạch hành động cụ thể để giảm phát thải, như triển khai các dự án điện gió ngoài khơi, sử dụng công nghệ tuần hoàn trong nuôi trồng thủy sản và quản lý rác thải nhựa. Bình Thuận, với tiềm năng điện gió 200 GW, đang phối hợp với các nhà đầu tư quốc tế để xây dựng các trang trại gió ngoài khơi, góp phần vào mục tiêu giảm 50% phát thải vào năm 2030.

Thúc đẩy liên kết vùng và phát triển hạ tầng đồng bộ: (1) Phối hợp liên vùng hiệu quả hơn: Sau sáp nhập tỉnh, các khu vực ven biển được tổ chức lại thành các vùng kinh tế lớn hơn, giúp tăng cường liên kết giữa các địa phương không có biển trước đây nay thành địa phương có biển như: Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Kon Tum, Đắk Lắk, Lâm Đồng...(2) Đầu tư hạ tầng chiến lược: Phân quyền cho phép các địa phương tự huy động vốn và triển khai dự án hạ tầng trọng điểm, như cảng biển, đường ven biển và các trang trại điện gió.

2. CƠ HỘI TỪ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Việt Nam tham gia hội nhập sâu rộng và các hiệp định thương mại tự do (FTA) như Hiệp định



Kinh tế biển không chỉ là động lực tăng trưởng mà còn là biểu tượng cho khát vọng trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển

đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam (EVFTA), các cam kết quốc tế khác mang lại nhiều thuận lợi đáng kể cho phát triển kinh tế biển.

Thúc đẩy xuất khẩu thủy sản và nâng cao giá trị gia tăng: (1) Mở rộng thị trường xuất khẩu: Các hiệp định thương mại tự do như EVFTA (với EU) và CPTPP (bao gồm Nhật Bản, Canada, Ôxtrâyliya) giảm hoặc xóa bỏ thuế quan đối với các sản phẩm thủy sản Việt Nam (tôm, cá tra và cá ngừ). Ví dụ, EVFTA đã giảm thuế nhập khẩu tôm từ 12 - 20% xuống 0%, giúp Việt Nam tăng xuất khẩu thủy sản sang EU, thị trường lớn thứ hai của Việt Nam (đạt khoảng 1,2 tỷ USD vào năm 2024); (2) Đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế: Các FTA yêu cầu tiêu chuẩn cao về truy xuất nguồn gốc, chống khai thác bất hợp pháp (IUU) và BVMT, thúc đẩy Việt Nam cải thiện quản lý nghề cá. Điều này giúp xây dựng thương hiệu thủy sản Việt Nam bền vững, tăng sức cạnh tranh trên thị trường toàn cầu.

Phát triển ngành hàng hải và logistics biển: (1) Tăng cường vai trò trung tâm logistics khu vực: Vị trí địa chiến lược của Việt Nam trên tuyến hàng hải quốc tế, kết hợp với các FTA như RCEP (bao gồm 15 quốc gia châu Á - Thái Bình Dương), giúp Việt Nam trở thành trung tâm trung chuyển hàng hóa. Các cảng biển như

Cái Mép - Thị Vải và Hải Phòng đã đón các tàu container lớn nhất thế giới, với tổng lượng hàng hóa thông qua đạt hơn 750 triệu tấn vào năm 2024; (2) Thu hút đầu tư vào hạ tầng cảng biển: Các hiệp định thương mại tạo điều kiện thu hút vốn FDI vào phát triển cảng biển và dịch vụ logistics. Các tập đoàn như DP World (là một công ty hậu cần đa quốc gia có trụ sở tại Dubai, Các Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất) và PSA International (là một tập đoàn khai thác cảng lớn nhất thế giới, có trụ sở chính tại Singapore) đang đầu tư vào các cảng nước sâu tại Việt Nam, nhờ các ưu đãi thuế từ FTA và cải cách hành chính; (3) Giảm chi phí logistics: Các FTA giúp tối ưu hóa chuỗi cung ứng toàn cầu, giảm chi phí vận chuyển và thời gian thông quan. Theo Dự thảo Chiến lược phát triển dịch vụ logistics Việt Nam, chi phí logistics tại Việt Nam (chiếm 16-20% GDP) có thể giảm xuống 10-12% nhờ hội nhập và cải cách.

Phát triển du lịch biển cao cấp: (1) Thu hút khách quốc tế: Các hiệp định thương mại và hội nhập quốc tế, cùng với cam kết miễn visa trong khuôn khổ ASEAN và song phương, giúp Việt Nam thu hút lượng lớn khách du lịch từ các thị trường lớn như EU, Nhật Bản và Hàn Quốc. Năm 2024, du lịch biển đóng góp khoảng 70% tổng doanh thu du lịch cả nước (ước tính 28 tỷ USD), với các điểm đến như vịnh Hạ Long, Phú Quốc, Đà



Năng; (2) Đầu tư vào cơ sở hạ tầng du lịch: Các nhà đầu tư từ Nhật Bản, Singapore, EU đang rót vốn vào các khu nghỉ dưỡng cao cấp và du lịch sinh thái tại các tỉnh ven biển, nhờ các ưu đãi từ FTA và chính sách phân cấp, phân quyền; (3) Quảng bá thương hiệu quốc gia: Hội nhập quốc tế giúp Việt Nam quảng bá hình ảnh các điểm đến biển đảo, như Lý Sơn, Côn Đảo, thông qua các chương trình xúc tiến du lịch toàn cầu.

Phát triển năng lượng tái tạo biển: (1) Thu hút vốn và công nghệ: Các hiệp định thương mại và cam kết quốc tế (COP26) tạo điều kiện để Việt Nam hợp tác với các quốc gia tiên tiến như Đan Mạch, Na Uy, Mỹ và Đức trong phát triển điện gió ngoài khơi; (2) Tiếp cận quỹ xanh quốc tế: Các cam kết quốc tế về Net Zero giúp Việt Nam tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi từ Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) và Quỹ Khí hậu Xanh (GCF) để phát triển các dự án năng lượng tái tạo; (3) Chuyển giao công nghệ: Các FTA tạo điều kiện chuyển giao công nghệ tiên tiến, như tua-bin gió công suất lớn (10-15 MW) và nền móng nổi, giúp Việt Nam khai thác hiệu quả các vùng biển sâu.

3. THÁCH THỨC TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN

Ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu: Mặc dù có tiềm năng lớn, kinh tế biển Việt Nam đang đối mặt với nhiều thách thức. Ô nhiễm môi trường biển, đặc biệt là rác thải nhựa và chất thải từ nuôi trồng thủy sản, đang gây áp lực lớn lên hệ sinh thái biển. Theo ước tính, mỗi năm, ngành nuôi tôm thải ra gần 3 triệu tấn chất thải rắn và hàng chục triệu m³ nước thải, gây suy thoái các khu vực sinh thái như rạn san hô và rừng ngập mặn. Biến đổi khí hậu, với nước biển dâng, xâm nhập mặn, cũng đe dọa các cộng đồng ven biển và cơ sở hạ tầng cảng biển.

Thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao: Nguồn nhân lực biển chất lượng cao vẫn là một điểm nghẽn. Các cơ sở nghiên cứu khoa học biển và đào tạo nhân lực hiện nay còn nhỏ lẻ, thiếu trang thiết bị hiện đại và chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển các ngành công nghệ cao như năng lượng tái tạo hay sinh học biển. Hiện tượng “chảy máu chất xám” cũng khiến Việt Nam mất đi nhiều chuyên gia trong lĩnh vực kinh tế biển, đòi hỏi các chính sách thu hút nhân tài và đầu tư vào giáo dục.

Tranh chấp chủ quyền và cạnh tranh quốc tế: Các tranh chấp trên Biển Đông, đặc biệt tại khu vực quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, tiếp tục là thách thức lớn đối với phát triển kinh tế biển. Ngoài ra, cạnh tranh quốc tế trong lĩnh vực hàng hải và năng lượng tái tạo đòi hỏi Việt Nam phải nâng cao năng lực công nghệ và quản trị để duy trì lợi thế cạnh tranh.

Hạ tầng chưa đồng bộ: Mặc dù có hệ thống cảng biển với năng lực thông qua hơn 750 triệu tấn mỗi năm, nhiều cảng biển còn nhỏ lẻ, thiếu đồng bộ và chưa được đầu tư đúng mức. Một số địa phương xây dựng cảng biển nhưng không thể khai thác hiệu quả do tính toán không hợp lý, gây lãng phí nguồn lực. Điều này đòi hỏi một quy hoạch tổng thể, đồng bộ hơn để tối ưu hóa hạ tầng kinh tế biển.

4. GIẢI PHÁP VÀ ĐỊNH HƯỚNG

Để tận dụng cơ hội và vượt qua thách thức, Việt Nam cần triển khai đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, phát triển kinh tế biển xanh: Chuyển từ mô hình kinh tế biển “nâu” sang “xanh lam”, ưu tiên các ngành như năng lượng tái tạo, du lịch sinh thái và nuôi trồng thủy sản bền vững. Ví dụ, các trang trại điện gió ngoài khơi cần được kết hợp với các chương trình bảo tồn rạn san hô và rừng ngập mặn để đảm bảo cân bằng sinh thái.

Thứ hai, đầu tư vào công nghệ và nhân lực: Tăng cường đầu tư vào nghiên cứu khoa học biển, ứng dụng công nghệ viễn thám, AI, IoT trong quản lý tài nguyên và giám sát môi trường. Đồng thời, xây dựng trung tâm đào tạo nhân lực biển chất lượng cao, với các chính sách thu hút chuyên gia quốc tế.

Thứ ba, tăng cường hợp tác quốc tế: Hợp tác với các nước mạnh về công nghệ điện gió như Đan Mạch, Na Uy, Nhật Bản để chuyển giao công nghệ năng lượng tái tạo và quản lý biển; Tham gia các sáng kiến toàn cầu như Mục tiêu Phát triển bền vững 14 - Cuộc sống dưới nước (SDG 14) để bảo vệ đại dương và thu hút nguồn vốn xanh.

Thứ tư, cải cách thể chế: Tiếp tục cắt giảm thủ tục hành chính, tăng cường phân cấp, phân quyền cho các địa phương ven biển và xây dựng khung pháp lý minh bạch để thu hút đầu tư vào các dự án kinh tế biển quy mô lớn.

5. KẾT LUẬN

Trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, kinh tế biển không chỉ là động lực tăng trưởng mà còn là biểu tượng cho khát vọng trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển. Với việc sáp nhập tỉnh, cải cách hành chính và mục tiêu tăng trưởng hai con số, Việt Nam đang đứng trước cơ hội lịch sử để định vị là trung tâm kinh tế biển của khu vực. Tuy nhiên, để hiện thực hóa tham vọng này, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Chính phủ, doanh nghiệp, cộng đồng, cùng với sự cam kết mạnh mẽ trong BVMT và chủ quyền biển đảo. Kinh tế biển Việt Nam, nếu được khai thác đúng cách, sẽ là chìa khóa để đưa đất nước tiến xa trên hành trình thịnh vượng và bền vững ■